

Mẫu 1. Đánh giá tiêu chí số 1: Quy hoạch
(Kèm theo Quyết định số ~~1662~~/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh)

ĐÁNH GIÁ VIỆC HOÀN THÀNH TIÊU CHÍ QUY HOẠCH

Xã:, huyện:.....

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....
2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí Quy hoạch.

Kết quả như sau:

1. Về nội dung: Có quy hoạch chung xây dựng xã (quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới) được lập theo quy định

- Thành phần: Đủ ; Không ; (nếu thiếu, liệt kê danh mục thiếu).

- Kết cấu của hồ sơ quy hoạch yêu cầu theo đúng hồ sơ mẫu;

Đủ ; Không ; (nếu không, liệt kê danh mục thiếu).

- Được UBND cấp huyện phê duyệt (có, không):.....

2. Đã tổ chức công bố công khai quy hoạch được duyệt tới các thôn:

- Có ; Không ;

- Hình thức công bố:, (nếu đã công bố).

3. Có treo các bản vẽ, bản đồ quy hoạch tại các địa điểm công cộng, thuận lợi cho người dân biết và thực hiện theo quy hoạch (UBND xã, Nhà văn hóa xã, thôn...);

- Có ; Không ;

4. Cấm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng:

- Loại công trình hạ tầng được cấm mốc:..... (Đường giao thông: Trục xã, liên xã; trục thôn, xóm,...; các khu chức năng;... Hoặc khu trung tâm xã; điểm dân cư nông thôn theo quy hoạch được duyệt).

- Công tác phê duyệt hồ sơ mốc: Có ; Không ;

- Thực hiện cấm mốc ra ngoài thực địa: Có ; Không ;

5. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được UBND cấp huyện phê duyệt.

Có ; Không ;

6. Đã nộp hồ sơ quy hoạch về các ngành liên quan: Có ; Không ;

7. Có/không có Đề án NTM và Đề án PTSX (kể cả điều chỉnh nếu có) để triển khai quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Có ; Không ;

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt):..... tiêu chí quy hoạch.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 2. Đánh giá tiêu chí số 2: Giao thông
(Kèm theo Quyết định số ~~1682~~ /QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh)

Mẫu 2.1. KẾT QUẢ THỐNG KÊ PHÂN LOẠI HỆ THỐNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG
Xã:, huyện:.....

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....
2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí giao thông.

Kết quả như sau:

TT	Loại đường/tên đường	Chiều dài (km)	Chỉ tiêu kỹ thuật		Kết cấu mặt đường (km)			Ghi chú
			Bề rộng mặt (m)	Bề rộng nền (m)	Cứng hóa	Không lầy lội	Chưa đạt	
I	Đường xã (ĐX)							
	Đường thiết yếu (trục xã, liên xã)							
1	Tuyến.....							
2	Tuyến.....							
II	Đường trục thôn							
	Đường thiết yếu							
1	Tuyến							
2	Tuyến							
III	Đường ngõ, xóm							
	Đường thiết yếu							
1	Tuyến							
2	Tuyến							
IV	Đường nội đồng							
	Đường trục chính							
1	Tuyến							
2	Tuyến							

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu 2.2. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ GIAO THÔNG

Xã:, huyện:.....

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....
2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí giao thông.

Kết quả như sau:

STT	Loại đường	Chiều dài (km)			Tỷ lệ đạt được (%)	Chỉ tiêu quy định (%)	Kết luận (đạt/chưa đạt)
		Tổng	Đạt tiêu chí NTM	Chưa đạt tiêu chí NTM			
1	Đường xã (ĐX)					Theo khu vực	
2	Đường trục thôn					Theo Khu vực	
3	Đường ngõ, xóm					Theo Khu vực	
3.1	Sạch, không lầy lội về mùa mưa					100%	
3.2	Trong đó đã cứng hóa					Theo Khu vực	
4	Đường trục chính nội đồng					Theo Khu vực	

* Đánh giá chung:.....

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

* Kết luận (đạt/không đạt):..... tiêu chí giao thông.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra hoặc
thẩm định**

**TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)**

Mẫu 3. Đánh giá tiêu chí số 3: Thủy lợi
(Kèm theo Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh)

ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ THỦY LỢI

Xã:, huyện:.....

Hôm nay, ngày tháng năm tại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....

2. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí Thủy lợi. Kết quả như sau:

1. Xác định diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên:

a. Đối với công tác tưới

TT	Hiện trạng hệ thống thủy lợi	Đơn vị quản lý	Diện tích gieo trồng cây hàng năm cộng (+) với diện tích canh tác cây lâu năm, thực tế được tưới (ha) (S ₁)	Diện tích gieo trồng cây hàng năm cộng (+) với diện tích canh tác cây lâu năm cần được bảo đảm nước tưới theo quy hoạch/kế hoạch xây dựng các công trình thủy lợi trong kỳ phân đầu đạt chuẩn NTM (ha) (S)	$T_{tưới} = \frac{S_1}{S} \times 100(\%)$	Kết luận (đạt/không đạt)
1	Trạm bơm A					
2	Hồ chứa B					
3	Kênh C					
4	Ao gom nước nhí D					
5	Công trình Thủy lợi đất màu E					
...	...					
Tổng cộng (1+2+...):						

* Ghi chú:

- Hiện trạng hệ thống thủy lợi bao gồm: Hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, kênh mương, công trình thủy lợi đất màu, ao gom nước nhí,....;

- Đối với các diện tích của xã do công trình thuộc doanh nghiệp nhà nước (Công ty thủy lợi/Chi nhánh thủy lợi) hay các tổ chức quản lý phục vụ tưới thì trong biểu thống kê ghi tên tuyến kênh của công đầu kênh mà địa phương ký hợp đồng với doanh nghiệp quản lý theo diện tích tưới. Đối với trường hợp này thì hồ sơ minh chứng cần có hợp đồng của địa phương với đơn vị phục vụ tưới.

b. Đối với công tác tiêu

TT	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp thực tế được tiêu (ha) (F ₁)	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp của xã cần phải tiêu (ha) (F)	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động $T_{tiêu} = F_1/F * 100$	Kết luận (đạt/không đạt)

Ghi chú: Chỉ đánh giá tiêu nước đối với các vùng có hệ thống công trình tiêu hoàn chỉnh để sản xuất cây trồng cạn và vùng quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa; nếu không có hệ thống công trình tiêu thì không đánh giá nội dung này.

* Kết luận (đạt/không đạt) chỉ tiêu 3.1:

2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

TT	Nội dung	Chỉ tiêu đánh giá	Đánh giá	
			Đạt	Không đạt
1	Tổ chức bộ máy	a) Có Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn được thành lập theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ, hàng năm được kiện toàn		
		b) Có phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy phù hợp với điều kiện của từng địa phương		
2	Kế hoạch phòng, chống thiên tai	Có Kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp xã được phê duyệt và rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy định của Luật, đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai tại chỗ.		
3	Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	Có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn được xây dựng cụ thể, chi tiết và phê duyệt phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương		
4	Công tác tuyên truyền	Có từ 70% trở lên người dân thuộc vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai.		
5	Nguồn nhân, vật lực phục vụ PCTT	a) Thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên của các đội xung kích phòng, chống thiên tai;		
		b) Có các trang thiết bị, vật tư thiết yếu phục vụ công tác PCTT.		

Kết luận (đạt/không đạt) chỉ tiêu 3.2:

* Đánh giá chung:

* Kiến nghị, đề xuất (nếu có):

* Kết luận chung (đạt/không đạt): tiêu chí số 3 thuận lợi.

**Đơn vị đánh giá hoặc thẩm tra
hoặc thẩm định**

**TM.UBND XÃ.....
(Ký tên và đóng dấu)**

Mẫu 4. Đánh giá tiêu chí số 4: Điện
(Kèm theo Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh)

Mẫu 4.1. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ ĐIỆN

Xã:, huyện:

Hôm nay, ngày tháng..... nămtại, gồm có:

1. Ông (bà)....., chức vụ:.....
2. Ông (bà)....., chức vụ:.....
3. Ông (bà)....., chức vụ:.....

Đã cùng nhau kiểm tra, đánh giá các nội dung liên quan đến tiêu chí điện. Kết quả như sau:

STT	Mục đánh giá	Thành phần đánh giá	Nội dung đánh giá	Nhận dạng đánh giá	Mức đánh giá	Ghi chú
I	Hệ thống cung cấp điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn theo quy định (Tiêu chí 4.1)				Đạt	
1	Đường dây trung áp				Đạt	
1.1	Hồ sơ pháp lý				Đạt	
1.1.1	Thủ tục, hồ sơ.	Dự án đầu tư.	Hồ sơ, quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.	Có hồ sơ, có Quyết định phê duyệt.	Đạt	Trường hợp không có hoặc thất lạc hồ sơ, Sở Công Thương phối hợp với Công ty Điện lực Tỉnh/huyện hướng dẫn, hỗ trợ cho các cấp, đơn vị quản lý bán điện hoàn thiện hồ sơ để quản lý.
1.1.2		Hồ sơ thiết kế.			Đạt	
1.1.3		Hồ sơ nghiệm thu.			Đạt	
1.2	An toàn điện				Đạt	
1.2.1	Thông tin, số liệu kỹ thuật để nhận dạng về an toàn điện.	Khoảng cách thẳng đứng nhỏ nhất trong các chế độ làm việc bình thường của đường dây.	Đến mặt đất tự nhiên khu vực đông dân cư.	$\geq 7 m$	Đạt	
1.2.2			Đến mặt đất tự nhiên khu vực ít dân cư.	$\geq 5,5 m$	Đạt	
1.2.3			Đến mặt đất tự nhiên khu vực khó đến.	$\geq 4,5 m$	Đạt	
1.2.4			Đến mặt đường ô tô.	$\geq 7 m$	Đạt	

1.3	Cung cấp điện		Đạt	
1.2.18	An toàn cho người và vật nuôi.	Dây nối đất: dây nối từ xà, dây neo hoặc dây trung tính đến cọc tiếp địa.	Đạt	Không bị đi sai hoặc đứt, có nối vào cọc tiếp địa.
1.2.17	Biên báo an toàn.	Có Biên báo cam; Biên báo nguy hiểm, cảnh báo; Biên chỉ dẫn; Biên báo an toàn.	Đạt	100%
1.2.16	Chiều rộng hành lang giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng.	Khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh.	Đạt	Dây bọc 22kV $\geq 1m$
1.2.15			Đạt	Dây trần 22kV $\geq 2m$
1.2.14			Đạt	Dây bọc 35kV $\geq 1,5m$
1.2.13			Đạt	Dây trần 35kV $\geq 3m$
1.2.12		Đèn mặt đất, đáp.	Đạt	$\geq 6m$
1.2.11		Đèn đường dây thông tin.	Đạt	$\geq 4m$
1.2.10		Từ đường điện áp 35kV đến đường dây có cấp điện áp thấp hơn.	Đạt	$\geq 3m$
1.2.9		Từ đường điện áp 22kV đến đường dây có cấp điện áp thấp hơn.	Đạt	$\geq 2m$
1.2.8		Đèn mức nước cao nhất trên sông, hồ, kênh mà thuyền bè và người không thể qua lại được.	Đạt	$\geq 2,5m$
1.2.7		Đèn bãi sông và nơi ngập nước không có thuyền bè qua lại.	Đạt	$\geq 5,5m$
1.2.6		Đèn mức nước cao nhất ở sông, hồ, kênh có tàu thuyền qua lại.	Đạt	tính không +1,5 m
1.2.5		Đèn mặt ray đường sắt.	Đạt	$\geq 7,5m$

1.3.1	Điện	Đảm bảo về nguồn cấp.	Dòng điện làm việc lớn nhất đầy đủ.	Nhỏ hơn dòng điện phát nóng dây dẫn.	Đơn vị quản lý, văn hành cấp kết quả để danh giá: đạt/không đạt.	
1.3.2	Điện	Đảm bảo điện áp.	Điện áp phía thu cấp.	Không vượt quá +5%; -10% điện áp định mức.	Đơn vị quản lý, văn hành cấp kết quả để danh giá: đạt/không đạt.	
1.4	Kết cấu chịu lực					Đạt
1.4.1	Đạt	Xác định mức độ võ, nứt bê tông.	Không để hở cốt thép bên trong.		H: Chiều cao cột	
1.4.2	Đạt	Độ nghiêng dọc hoặc ngang tuyến chiếu xuống từ ngọn cột.	Không nghiêng quá 1/150 xH.		H: Chiều cao cột	
1.4.3	Đạt	Đu các thanh thép xác định các thanh thép và bu lông.	Không bị cong; sơn hoặc mạ chống rỉ không bị bong.			
1.4.4	Đạt	Độ nghiêng dọc hoặc ngang tuyến chiếu xuống từ ngọn cột.	Không nghiêng quá 1/200 xH.		H: Chiều cao cột	
1.4.5	Đạt	Kết cấu hỗ trợ chịu lực.	Dây neo thép, thanh chống.	Có bảo vệ chống rỉ theo quy định.	Đạt	
1.4.6	Đạt		Móng neo.	Được bảo vệ chống rỉ.	Đạt	
1.4.7	Đạt	Móng cột.	Móng bê tông, trụ ...	Được bảo vệ chống rỉ.	Đạt	
1.4.8	Đạt	Xả đỡ, neo dầy điện.	Xả đỡ, neo dầy điện.	Được bảo vệ chống rỉ, không bị ăn mòn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa.	Đạt	
1.4.9	Đạt	Xả đỡ đỡ và kết cấu khác.	Giá đỡ và kết cấu khác.	Được bảo vệ chống rỉ, không bị ăn mòn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa.	Đạt	
1.5	Vận hành					Đạt

2.3	Cung cấp điện			Đạt	
2.2.4	an toàn đang về an toàn điện.	Biên báo an toàn.	Biên báo cảm; Biên báo nguy hiểm, cảnh báo; Biên chỉ dẫn; Biên báo yêu cầu có kích thước theo quy định.	Đạt	100%
2.2.3	tin, số tìm, số thông liệu kỹ thuật để nhận đang về	Nơi đất.	Dây nối đất an toàn, nối đất làm việc và nối đất chống sét.	Đạt	Có đủ các điểm nối đất, dây nối đất không bị đứt hoặc bị đứt.
2.2.2	phần mang điện với các bộ phận, công trình xung quanh.	Điện 35 kV		Đạt	Không có cây cối có thể đổ hoặc xô cánh vào các kết cấu công trình trạm biến áp
2.2.1	Khoảng cách giữa	Điện 22 kV		Đạt	≥ 2,0 m
2.2	An toàn điện			Đạt	
2.1.3	Hồ sơ nghiệm thu.	Hồ sơ, quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.		Đạt	Trở cho các hướng dẫn, hồ sơ/Tình/huyện ty Điện lực hợp với Công Sở Công không có hoặc thất lạc hồ sơ, Trương hợp
2.1.2	Hồ sơ thiết kế.	Hồ sơ, quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.		Đạt	Trương hợp thất lạc hồ sơ, Sở Công hợp với Công ty Điện lực Tỉnh/huyện hướng dẫn, hồ sơ cho các quan lý bản điện hoàn thiện hồ sơ để quan lý.
2.1.1	Dự án đầu tư.	Hồ sơ, quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.		Đạt	Trương hợp thất lạc hồ sơ, Sở Công hợp với Công ty Điện lực Tỉnh/huyện hướng dẫn, hồ sơ cho các quan lý bản điện hoàn thiện hồ sơ để quan lý.
2.1	Hồ sơ pháp lý			Đạt	
2	Trạm biến áp phân phối			Đạt	
1.5.2	Đơn vị quản lý vận hành	Các quy trình vận hành	Quy trình sửa chữa, khác phục sự cố.	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cùng cấp kết quả để danh giá: đạt/không đạt.
1.5.1	Nhận đang về quy trình vận hành	Các quy trình vận hành	Quy trình kiểm tra an toàn vận hành.	Đạt	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cùng cấp kết quả để danh giá: đạt/không đạt.

2.3.1	Đảm bảo về nguồn cấp.	Đảm bảo về hành trạng theo nhu cầu sử dụng mức máy biến áp.	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: đạt/không đạt.	Đạt	
2.3.2	Đảm bảo về chất lượng điện.	Điện áp phía hạ áp tải đầu ra. Không vượt quá +5%; -10% điện áp định mức.	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: đạt/không đạt.	Đạt	
2.4	Vận hành			đạt	
2.4.1	Nhận dạng về quy trình vận hành.	Tỷ lệ số công tơ đo đếm điện diện năng khách hàng còn trong thời gian kiểm định, còn nguyên kẹp chỉ.	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: đạt/không đạt.	Đạt	100%
2.4.2		Cơ đồng hồ kiểm tra các thông số vận hành (V, A; TU; TI) trạm đảm bảo các thông số kỹ thuật đang vận hành.	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: đạt/không đạt.	Đạt	100%
2.4.3		Thiết bị đóng cắt được kiểm tra, bảo trì theo quy định hiện hành.	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: đạt/không đạt.	Đạt	
2.4.4		Thiết bị bảo vệ được kiểm tra, bảo trì theo quy định hiện hành.	Đơn vị quản lý, vận hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: đạt/không đạt.	Đạt	
2.5	Kết cấu chịu lực, bảo vệ				
2.5.1	Thông tin, số liệu kỹ thuật để nhận dạng về kết cấu chịu lực.	Cột bê tông.	Không bị vỡ, nứt bê tông để hở cốt thép bên trong.	Đạt	
2.5.2		Cột thép.	Không nghiêng, các thanh thép dày đủ, được bảo vệ chống rỉ sét.	Đạt	
2.5.3		Móng cốt.	Móng bê tông, trụ.	Được bảo vệ không bị xói lở.	Đạt

3.2	An toàn điện	Thông tin, số liệu kỹ thuật để nhận dạng về an toàn điện.	3.2.1	Khoảng cách thẳng đứng nhỏ nhất từ dây dẫn đến mặt đất tự nhiên khu vực đông dân cư.	Đạt	≥ 5,5 m	Đạt	
			3.2.2	Đến mặt đất tự nhiên khu vực dân cư.	Đạt	≥ 5 m	Đạt	
			3.2.3	Đến mặt đất tự nhiên khu vực khó đến.	Đạt	≥ 4 m	Đạt	
			Đường dây hạ áp			Đạt		
3	Đường dây hạ áp	Cống, hàng rào bảo vệ trạm (nếu có).	Giá đỡ và kết cấu khác.	Giá đỡ, dây neo cột điện.	Được bảo vệ chống di, không bị vắn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa.	2.5.4	Được bảo vệ chống di, không bị vắn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa.	Đạt
						2.5.5	Được bảo vệ chống di, không bị vắn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa.	Đạt
						2.5.6	Móng bờ rào không bị sứt mòn, tương rào không bị bong vữa, nứt thủng lỗ, nứt mạch vữa.	Đạt
2.5.7	Công ra vào.	Công, hàng rào bảo vệ trạm (nếu có).	Giá đỡ và kết cấu khác.	Giá đỡ, dây neo cột điện.	Được bảo vệ chống di, không bị vắn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa.	Đạt		
3.1	Hồ sơ pháp lý							
3.1.1	Dự án đầu tư	Hồ sơ	Thủ tục, hồ sơ	Hồ sơ, quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền	Quyết định phê duyệt	Cố hồ sơ, có quyết định phê duyệt	Đạt	Trường hợp không có hồ sơ, Sở Công Thương phải hợp với Công ty Điện lực Tỉnh/huyện hướng dẫn, hỗ trợ cho các cấp, đơn vị quản lý bản điện hoàn thiện hồ sơ để quản lý.
							Đạt	Đạt
							Đạt	Đạt

3.2.15	Biên báo an toàn.	100%	Đạt	
3.2.14	Nơi đất.	> 30Ω	Đạt	Đơn vị quản lý, văn hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: đạt/không đạt.
3.2.13		> 50Ω	Đạt	Đơn vị quản lý, văn hành lưới điện cung cấp kết quả để đánh giá: đạt/không đạt.
3.2.12		không bị đứt hay di sét.	Đạt	
3.2.11		Đến mặt đất, đáp.	Đạt	
3.2.10		Đến đường dây thông tin.	Đạt	
3.2.9		Đến mức nước cao nhất trên sông, hồ, kênh mà thuyền bè và người không thể qua lại được.	Đạt	
3.2.8		Đến bãi sông và nơi gặp nước không có thuyền bè qua lại.	Đạt	
3.2.7		Đến mức nước cao nhất ở sông, hồ, kênh có tàu thuyền qua lại.	Đạt	Đạt
3.2.6		Đến mặt ray đường sắt.	Đạt	
3.2.5		Đến mặt đường ở các cấp còn lại.	Đạt	
3.2.4		Đến mặt đường ở cấp I, II.	Đạt	
				Đạt

Đơn vị quản lý, văn hành lưới điện cung cấp kết quả đánh giá: đạt/không đạt	Đạt	Nhỏ hơn dòng điện phát nóng dây dẫn	Dòng điện làm việc lớn nhất dây dẫn.	An toàn dẫn điện.	An toàn về cơ học.	Đạt	3.4.3	Kết cấu chịu lực	Thông tin, số liệu kỹ thuật để nhận dạng về kết cấu chịu lực.	3.5.1	Cột bê tông.	Không bị vỡ, nứt bê tông để hở cốt thép bên trong.	Đạt
							3.5.2			Cột thép.	Không nghiêng, các thanh thép dày đủ, được bảo vệ chống gỉ sắt.	Đạt	
							3.5.3			Cột gỗ, tre trên nhánh rẽ về hộ gia đình.	Cao tới thiểu 5m, đường kính ngọn tới thiểu 80mm, được xử lý chống mối mọt.	Đạt	
							3.5.4			Kết cấu hỗ trợ chịu lực.	Dây neo thép, thanh chống.	Có bảo vệ, chống gỉ sắt.	Đạt
							3.5.5				Móng neo.	Được bảo vệ chống xói lở.	Đạt
							3.5.6			Móng cốt.	Móng bê tông, trụ.	Được bảo vệ chống bị xói lở.	Đạt
							3.5.7				Móng đá cân.	Được bảo vệ chống bị xói lở.	Đạt
							3.5.8				Móng đất.	Được bảo vệ chống bị xói lở.	Đạt
							3.5.9			Xà gida đỡ.	Xà đỡ, neo dầy điện.	Được bảo vệ chống di, không bị vắn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa.	Đạt
							3.5.10				Gida đỡ và kết cấu khác.	Được bảo vệ chống di, không bị vắn, cong, vênh, được nối vào cọc tiếp địa.	Đạt

